UBND XÃ NÚA NGAM
TRƯỜNG THCS NÚA NGAM

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

Số: 67 /QĐ-THCSNN

Núa Ngam, ngày03 tháng 12 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc điều chỉnh phân công nhiệm vụ giáo viên, nhân viên -Năm học 2025-2026

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG THCS NÚA NGAM

Căn cứ Điều 11, Điều lệ trường THCS, trường THPT và trường phổ thông có nhiều cấp học ban hành kèm theo Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15 tháng 9 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về nhiệm vụ và quyền hạn của Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng;

Căn cứ Thông tư số 05/2025/TT-BGDĐT ngày 07 tháng 03 năm 2025 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định chế độ làm việc đối với giáo viên phổ thông, dự bị đại học.

Căn cứ văn bản 1562/SGDĐT-VP ngày 30/5/2025 của Sở Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn thực hiện chế độ làm việc đối với giáo viên phổ thông công lập.

Căn cứ Kế hoạch nhiệm vụ năm học 2025-2026 Trường THCS xã Núa Ngam;

Căn cứ vào tình hình thực tế nhà trường năm học 2025-2026 và thống nhất trong Ban giám hiệu.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điều chỉnh phân công nhiệm vụ của cán bộ, giáo viên, nhân viên Trường THCS Núa Ngam thực hiện từ ngày **08/12/2025** *(có phân công chi tiết kèm theo).*

Điều 2. Giáo viên, nhân viên có trách nhiệm xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện tốt nhiệm vụ được phân công.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 34/QĐ-THCSNN ngày 04/9/2025. Ông (bà) Phó Hiệu trưởng, tổ trưởng các tổ chuyên môn, tổ văn phòng, giáo viên, nhân viên Trường THCS Núa Ngam chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3 (để t/h);
- UBND xã (để b/c);
- Phòng VH-XH;
- Lưu VT.

HIỆU TRƯỞNG

Phạm Trung Thành

PHÂN CÔNG NHIỆM VỤ NĂM HỌC 2025-2026
Thực hiện từ ngày 08/12/2025

I. Cán bộ quản lý, giáo viên

stt	Họ và tên	Chức vụ	Chức danh nghề nghiệp	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Buổi 1		Công tác kiêm nhiệm		Buổi 2 (Phụ đạo HS, BDHSG, BD HS năng khiếu		Tổng số tiết
						Môn, lớp	Số tiết	Nhiệm vụ	Số tiết	Nhiệm vụ	Số tiết	
1.	Phạm Trung Thành	Hiệu trưởng	GV THCS hạng II	ĐH	Ngữ văn	GDCD 9D2,3 (2)	2					2
2.	Trần Thị Tươi	Phó Hiệu trưởng	GV THCS hạng II	ĐH	Ngữ văn	GDĐP 6 (3), GDĐP 7B3(1)	4					4
3.	Nguyễn Hồng Điển	Phó Hiệu trưởng	GV THCS hạng II	ĐH	Ngữ văn	Địa lí 7B1,2 (3)+GDĐP 7B2 (1)	4					4
4.	Hà Thị Sen	Giáo viên	GV THCS hạng II	ĐH	Toán	Toán 9D1,2,3 (12 tiết); Lí 8C1,2,3 (3,6 tiết); + Lí 6A3 (1,3 tiết)	16,9	Tổ trưởng	3	Phụ đạo Toán 9D1,2,3 (3 tiết) + BDHSG	3	22,9
5.	Nguyễn Thị Minh Nguyệt	Giáo viên	GV THCS hạng II	ĐH	Toán	Toán 6A1,2,3 (12 tiết) + Lí 7B 1,2,3 (3,6 tiết) + Lí 6A1,2 (2,6 tiết)	18,6			Phụ đạo Toán 61,2,3 (3 tiết) + BDHSG Toán 6	3	21,2

stt	Họ và tên	Chức vụ	Chức danh nghề nghiệp	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Buổi 1		Công tác kiêm nhiệm		Buổi 2 (Phụ đạo HS, BDHSG, BD HS năng khiếu		Tổng số tiết
						Môn, lớp	Số tiết	Nhiệm vụ	Số tiết	Nhiệm vụ	Số tiết	
6.	Bùi Thị Minh Hảo	Giáo viên	GV THCS hạng II	ĐH	Toán	Toán 7B1,2,3 (12 tiết)+ HĐTN (3 tiết)	15	CN 6A1	4	Phụ đạo Toán 7B1,2,3 (3 tiết)+ BDHSG	3	22,0
7.	Lò Văn Sơn	Giáo viên	GV THCS hạng II	ĐH	Toán	Toán 8C1,2,3 (12 tiết) + Lí 9D1,2,3 (3,9 tiết)	15,9	Thủ kho + Phòng lý	6	Phụ đạo Toán 8C1,2,3 (3 tiết) + BDHSG Toán 8	3	24,9
8.	Nguyễn Thị Hồng Hà	Giáo viên	GV THCS hạng II	ĐH	Hóa	Hóa 9D1,2,3 (4,5 tiết) + Hóa 7B1,2,3 (3,6 tiết) +HĐTN (3 tiết)	11,1	Tổ phó + CN 9D1 + Phòng Hóa	8	BDHSG Hóa 9		19,1
9.	Nguyễn Thuý Dương	Giáo viên	GV THCS hạng II	ĐH	Sinh	Sinh 8C1,2,3 (4,2 tiết) + Sinh 7B1,2,3 (5,1 tiết) + HĐTN (3 tiết) + GDCD 7(3)	15,3	CN 8C2	4	BDHSG Sinh 8		19,3

stt	Họ và tên	Chức vụ	Chức danh nghề nghiệp	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Buổi 1		Công tác kiêm nhiệm		Buổi 2 (Phụ đạo HS, BDHSG, BD HS năng khiếu		Tổng số tiết
						Môn, lớp	Số tiết	Nhiệm vụ	Số tiết	Nhiệm vụ	Số tiết	
10.	Nguyễn Thị Đông	Giáo viên	GV THCS hạng II	ĐH	Sinh	Công nghệ 7 B1,2,3 (3 tiết) + Công nghệ 9D1,2,3 (4,5 tiết) + HĐTN(3 tiết) +GCĐP 8C1,2 (2)	12,5	CN 6A2 + Thư viện	7			19,5
11.	Trần Thị Hoa	Giáo viên	GV THCS hạng II	ĐH	Hóa	Hóa 8C1,2,3 (4,2 tiết) + Hóa 6A1,2,3 (2,7 tiết) + HĐTN (3 tiết) + Công nghệ 8C1,2,3 (4,5) + GDĐP 7B1 (1)	15,9	CN 8C3	4	BDHSG Hóa 8		19,9
12.	Nguyễn Thị Hà	Giáo viên	GV THCS hạng II	ĐH	Sinh	Sinh 9D1,2,3 (3,6 tiết) + Sinh 6A1,2,3 (5,1 tiết) + Công nghệ 6A1,2,3 (3 tiết) + HĐTN (3 tiết) +GDDP 9D1 (1)	15,7	CN 6A3 + BDHSG Sinh 9	4			19,7

stt	Họ và tên	Chức vụ	Chức danh nghề nghiệp	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Buổi 1		Công tác kiêm nhiệm		Buổi 2 (Phụ đạo HS, BDHSG, BD HS năng khiếu		Tổng số tiết
						Môn, lớp	Số tiết	Nhiệm vụ	Số tiết	Nhiệm vụ	Số tiết	
13.	Nguyễn Thị Giang	Giáo viên	GV THCS hạng II	ĐH	Tin	Tin 6A1,2,3 (3 tiết) + Tin 7B1,2,3 (3 tiết) + Tin 8C1,2,3 (3 tiết) + Tin 9D1,2,3 (3 tiết) + HĐTN (3 tiết)	15	CN 7B2 + Công nghệ thông tin	7	BDHSG Tin 8,9		22
14.	Phạm Thị Như Quỳnh	Giáo viên	GV THCS hạng II	ĐH	Ngữ văn	Văn 9D1,2,3 (12)	12	Tổ trưởng, thư ký HĐ	5	Văn 9D1,2,3 (3) + BDHSG Văn 9	3	20
15.	Đỗ Thị Hường	Giáo viên	GV THCS hạng II	ĐH	Ngữ văn	Văn 8C1,2,3 (12) + GDĐP 8C3 (1) + GDCD 6 (3)	16			Văn 8C1,2,3 (3) + BDHSG Văn 8	3	19
16.	Lê Thị Hương Lan	Giáo viên	GV THCS hạng II	ĐH	Ngữ văn	Văn 7B1,2,3 (12) + HĐTNHN 7B1 (3)	15	CN lớp 7B1	4	Văn 7B1,2,3 (3) + BDHSG Văn 7	3	22
17.	Phạm Thị Huệ	Giáo viên	GV THCS hạng II	ĐH	Ngữ văn	Lịch sử 9 (4,5) + Văn 6A1,2,3 (12)	16,5			Văn 6A,2,3 (3) BDHSG L. Sử 9	3	19,5

stt	Họ và tên	Chức vụ	Chức danh nghề nghiệp	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Buổi 1		Công tác kiêm nhiệm		Buổi 2 (Phụ đạo HS, BDHSG, BD HS năng khiếu		Tổng số tiết
						Môn, lớp	Số tiết	Nhiệm vụ	Số tiết	Nhiệm vụ	Số tiết	
18.	Lường Thị Xuyến	Giáo viên	GV THCS hạng II	ĐH	Sinh học	Địa lí 6,8,9 (13,5) + Địa 7B3 (1,5) + HĐTNHN 9D3 (3)	18	CN lớp 9D3	4	BDHSG Địa 8,9		22
19.	Lò Thị Tươi	Giáo viên	GV THCS hạng III	ĐH	Lịch sử	Lịch sử 6,7,8 (13,5) + GDĐP 9D2,3 (2) + GDCD 8C1 (1)	16,5			BDHSG L.sử 8		16,5
20.	Lê Thi Hồi	Giáo viên	GV THCS hạng II	ĐH	Ngữ văn	GDCD 8C2,3 (2) +GDCD 9D1,2,3 (3)	4	Tổ trưởng	3			7
21.	Lại Thế Đản	Giáo viên	GV THCS hạng II	ĐH	GDTC	GDTC 7, 9 (12) + GDTC 6A1 (2)	14	Bán trú	3	HS năng khiếu	1	18
22.	Sùng A Minh	Giáo viên	GV THCS hạng III	ĐH	GDTC	GDTC 6A2,3 (4) + GDTC8 (6) + HĐTN 8C1 (3)	13	Chủ nhiệm 8C1	4	HS năng khiếu	1	18
23.	Khoàng Thị Đào	Giáo viên	GV THCS hạng II	ĐH	Âm nhạc	Âm nhạc 6, 7, 8, 9 (12) + HĐTNHN 7B3 (3)	15	CN lớp 7B3, phòng âm nhạc	7	HS năng khiếu	1	23

stt	Họ và tên	Chức vụ	Chức danh nghề nghiệp	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Buổi 1		Công tác kiêm nhiệm		Buổi 2 (Phụ đạo HS, BDHSG, BD HS năng khiếu		Tổng số tiết
						Môn, lớp	Số tiết	Nhiệm vụ	Số tiết	Nhiệm vụ	Số tiết	
24.	Quàng Thị Tỉnh	Giáo viên	GV THCS hạng III	ĐH	Tiếng anh	Tiếng anh 6, 8 (18)	18			Tiếng anh 6, 8 (6) + BDHSG tiếng Anh 6, 8	6	24
25.	Phạm Thị Vân Anh	Giáo viên	GV THCS hạng III	ĐH	Tiếng anh	Tiếng anh 7, 9 (18)	18			Tiếng anh 7, 9 (6) + BDHSG tiếng Anh 7, 9	6	24
26.	Lò Thị Thủy	Giáo viên	GV TH hạng III	ĐH	Mĩ thuật	Mĩ thuật 6, 7, 8, 9 (12) + HĐTNHN 9D2 (3)	15	CN lớp 9D2, phòng mĩ thuật	7	HS năng khiếu	1	23

II. Nhân viên

stt	Họ và tên	Chức vụ	Chức danh nghề nghiệp	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Nhiệm vụ
1	Nguyễn Văn	Nhân	Y sỹ hạng IV	Trung cấp	Y sỹ đa khoa	Thực hiện công tác y tế học đường,

	Cương	viên				chăm sóc sức khỏe học sinh, công tác vệ sinh an toàn thực phẩm cho học sinh bán trú; Thực hiện nhiệm vụ tổ trưởng tổ văn phòng: Xây dựng kế hoạch hoạt động năm, tháng, tuần của tổ, bao quát, đôn đốc thành viên thực hiện nhiệm vụ được giao. Thực hiện nhiệm vụ khác khi Hiệu trưởng phân công.
2	Quàng Thị Hoan	Nhân viên	Kế toán viên	Đại học	Kế toán tổng hợp	Thực hiện các nhiệm vụ tài chính, tài sản theo quy định hiện hành. Thực hiện nhiệm vụ khác khi Hiệu trưởng phân công.
3	Lò Thị Tâm	Nhân viên	Nhân viên văn thư	Trung cấp	Hành chính văn phòng	Thực hiện công tác văn thư, lưu trữ văn bản đi, đến; Thực hiện nhiệm vụ thủ quỹ theo quy định hiện hành; Quản lý máy phô tô, giấy phô tô của nhà trường. Thực hiện nhiệm vụ khác khi Hiệu trưởng phân công.
4	Trần Văn Mẫn	Nhân viên	Nhân viên bảo vệ			Phụ trách công tác bảo vệ an ninh, an toàn cơ sở vật chất, tài sản nhà trường. Thực hiện nhiệm vụ khác khi Hiệu trưởng phân công.